

các viện nghiên cứu khoa học phải gửi thí sinh của mình đến dự thi tại các trường đại học đủ điều kiện tổ chức kỳ thi tuyển sinh và có tuyển sinh những chuyên ngành phù hợp. Việc thi môn chuyên ngành và bảo vệ đề cương nghiên cứu của thí sinh nghiên cứu sinh có thể được tổ chức tại cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh đó.

Các trường đại học có tổng chỉ tiêu tuyển sinh thạc sĩ và tiến sĩ trên 250 có thể tổ chức thi tuyển 2 lần trong năm. Chỉ tiêu tuyển sinh của 2 lần phải được thông báo công khai trong thông báo tuyển sinh lần đầu.

Thủ trưởng các cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm ra thông báo tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh sau đại học của cơ sở mình theo quy định của Quy chế này”.

2. Điểm a khoản 3 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Về văn bằng: người dự thi đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành này phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy, chuyên tu, tại chức hoặc mở rộng; đã qua chương trình bổ túc kiến thức của chuyên ngành dự thi. Chương trình bổ túc kiến thức này do cơ sở đào tạo quy định”.

3. Khoản 2 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trong mỗi kỳ thi, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển vào một cơ sở đào tạo và một chuyên ngành đào tạo”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Quyết định ngày đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thủ trưởng các cơ sở đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO
Thủ trưởng

Trần Văn Nhung

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 395/2004/QĐ-BKH ngày 22/4/2004 về việc ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang trong việc hình thành dự án; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt

Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 233/1998/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp, ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 261/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang tại Công văn số 08/CV-UB ngày 06 tháng 4 năm 2004,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi là Ban quản lý) là đầu mối hướng dẫn các nhà đầu tư vào các Khu công nghiệp, Khu chế xuất hoạt động theo Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Hồ sơ dự án đầu tư được lập theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Ủy quyền Ban quản lý tiếp nhận, thẩm định hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý, hoạt động các dự án đầu tư nước ngoài đầu tư vào các Khu công nghiệp, Khu chế xuất quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Các dự án đầu tư Ban quản lý được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Phù hợp với Quy hoạch, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Khu công nghiệp hoặc Khu chế xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Là dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ công nghiệp có quy mô vốn đầu tư đến 40 triệu đô la Mỹ, trừ những dự án thuộc Nhóm A theo quy định tại Điều 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ

sung, sửa đổi tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ.

3. Thiết bị, máy móc và công nghệ đáp ứng các quy định hiện hành; trường hợp không đáp ứng các quy định đó phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật chấp thuận.

4. Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phòng, chống cháy, nổ.

Điều 3. Việc xem xét cấp Giấy phép đầu tư theo quy trình đăng ký cấp Giấy phép đầu tư hoặc quy trình thẩm định cấp Giấy phép đầu tư do Ban quản lý thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng của địa phương theo quy định tại các Điều số 104, 105, 106, 107, 108 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ sung, sửa đổi tại các khoản 22, 23 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003.

Ban quản lý có trách nhiệm xây dựng Quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chức năng của địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phê duyệt và thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 4.

1. Ban quản lý tổ chức thẩm định và tự

quyết định việc cấp Giấy phép đầu tư đối với các loại dự án sau:

- Các doanh nghiệp chế xuất có quy mô vốn đầu tư đến 40 triệu đô la Mỹ;

- Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và doanh nghiệp dịch vụ công nghiệp có quy mô vốn đầu tư đến 5 triệu đô la Mỹ và đáp ứng các quy định tại Điều 2 Quyết định này.

2. Thời hạn Ban quản lý thẩm định và cấp Giấy phép đầu tư là 15 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ dự án, không kể thời gian chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư theo yêu cầu của Ban quản lý.

Mọi yêu cầu của Ban quản lý đối với nhà đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ dự án.

3. Đối với các dự án đầu tư nằm ngoài các quy định nêu tại khoản 1 Điều này thì trước khi ra quyết định, Ban quản lý có trách nhiệm gửi Tóm tắt dự án tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư; lấy ý kiến các Bộ, ngành về những vấn đề thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành.

Các Bộ, ngành được lấy ý kiến về dự án, kể cả trường hợp điều chỉnh Giấy phép đầu tư, có nhiệm vụ trả lời bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ dự án; quá thời

hạn nói trên mà không có ý kiến bằng văn bản thì coi như chấp thuận dự án.

Điều 5. Giấy phép đầu tư được soạn thảo theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh, Ban quản lý gửi Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (bản chính) và Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (bản sao).

Điều 6. Đối với các dự án Ban quản lý không được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư, sau khi tiếp nhận, Ban quản lý giữ lại 1 bộ hồ sơ (bản sao) và chuyển toàn bộ số hồ sơ dự án còn lại kèm theo ý kiến của Ban quản lý về dự án đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định và cấp Giấy phép đầu tư theo quy định tại các Điều 109 và 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ.

Điều 7.

1. Ban quản lý hướng dẫn các chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án; thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu chế xuất theo các quy định tại Quy chế Khu công

nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

2. Ban quản lý thực hiện việc điều chỉnh Giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư đã được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư trong phạm vi hạn mức vốn đầu tư được ủy quyền.

3. Những trường hợp Ban quản lý quyết định với sự thỏa thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Do điều chỉnh Giấy phép đầu tư mà vượt quá hạn mức vốn được ủy quyền, thay đổi mục tiêu hoặc bổ sung mục tiêu dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

- Giảm tỷ lệ góp vốn pháp định của Bên Việt Nam trong các trường hợp liên doanh hoặc chuyển hình thức liên doanh sang đầu tư 100% vốn nước ngoài.

- Giải thể doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh trước thời hạn.

4. Ban quản lý quyết định giải thể doanh nghiệp và thu hồi các Giấy phép đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 8. Hàng quý, 6 tháng và hàng năm, Ban quản lý tổng hợp việc cấp Giấy phép đầu tư, điều chỉnh Giấy phép đầu tư, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp, Khu

chế xuất thuộc phạm vi quản lý và gửi báo cáo tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Điều 9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tạo mọi điều kiện thuận lợi và kiểm tra Ban quản lý thực hiện các việc được ủy quyền theo đúng quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chính phủ về việc ủy quyền quy định tại Quyết định này.

Điều 10. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Võ Hồng Phúc

BỘ TÀI CHÍNH

**CÔNG VĂN số 4293/TC-CST ngày
23/4/2004 về đối tượng áp dụng
Thông tư số 118/2003/TT-BTC.**

Kính gửi: - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Nghị định số 60/2002/NĐ-CP ngày 06/6/2002 của Chính phủ quy định

về việc xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu theo nguyên tắc Hiệp định thực hiện Điều 7 Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT);

Theo quy định tại điểm 2 Mục I Thông tư số 118/2003/TT-BTC ngày 08/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2002/NĐ-CP của Chính phủ;

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Thương mại tại Công văn số 1644/TM-XNK ngày 06/4/2004 về việc danh sách các nước áp dụng CVA;

Bộ Tài chính xin thông báo hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ các nước Ấn Độ, Cộng hòa Nam Phi, Pakistan và Thổ Nhĩ Kỳ thuộc đối tượng được áp dụng Thông tư số 118/2003/TT-BTC ngày 08/12/2003 của Bộ Tài chính.

Thông báo này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho tất cả các Tờ khai hàng hóa nhập khẩu nộp cho cơ quan hải quan bắt đầu từ ngày 06 tháng 4 năm 2004. Riêng đối với hàng hóa nhập khẩu của các doanh nghiệp, các bên hợp doanh thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và hàng nhập khẩu có xuất xứ từ các nước Asean, Hoa Kỳ thì thực hiện theo Công văn số 192/T'CHQ-KTTT ngày 13/01/2004 của Tổng cục Hải quan./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trương Chí Trung